

Bản án số: 135/2024/DS-ST
Ngày 27 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong.

Ông Nguyễn Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Hồng N, thể hiện:

Vào tháng 01/2023 chị Nguyễn Thị Bé T mượn của chị N số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận khi nào cần thì chị Bé T sẽ trả lại. Do cần tiền sử dụng, chị N yêu cầu trả lại số tiền nêu trên thì chị Bé T hứa khi cầm cố đất được sẽ trả nhưng không thực hiện theo lời hứa. Từ nguyên nhân trên, chị N yêu cầu chị Bé T trả lại 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

* Đối với chị Nguyễn Thị Bé T: Mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị Bé T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Bé T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé T là phù hợp.

[2] Lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Hồng N phù hợp với giấy mượn tiền và quyết định đình chỉ giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng M của Tòa án, thể hiện chị Bé T có mượn của chị N số tiền 200.000.000 đồng. Chị Bé T đã được tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối về nội dung chị N khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do đó, có căn cứ xác định chị Bé T có mượn của chị N 200.000.000 đồng nên chị N khởi kiện yêu cầu trả lại là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bé T phải chịu: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N.

Buộc chị Nguyễn Thị Bé T trả lại cho chị Nguyễn Hồng N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng chị Bé T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Chị Nguyễn Hồng N không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị N số tiền đã nộp tạm ứng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000935 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn